

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 9 - 2023.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Thanh Bình;

Ông Lê Hoàng Diệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lanh E; Cư trú tại: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lý Si M; Cư trú tại: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lanh E trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lanh E và anh Lý Si M có tổ chức lễ cưới vào năm 2017 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 11/4/2017. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng thời gian về sau thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung tên Lý Thị Như Y, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018. Hiện nay đang sống chung với chị Em.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Nguyễn Thị Lanh E yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lanh E yêu cầu được ly hôn với anh Lý Sĩ M.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Lanh E yêu cầu được nuôi cháu Lý Thị Như Y, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018 và chị Em không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lanh E xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 8 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lý Sĩ M trình bày:

Anh M thống nhất với lời trình bày của chị Lanh E về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng không còn chung sống với nhau. Chị Lanh E xin ly hôn thì anh M không đồng ý vì còn thương vợ, thương con. Về con chung: Con chung tên Lý Thị Như Y, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018 nếu như phải ly hôn thì anh M đồng giao con chung cho chị Lanh E nuôi dưỡng, anh M không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh M thống nhất với chị Lanh E là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chị Lanh E và anh M chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, từ đó anh chị không còn sống chung cho đến nay; Về con chung tên Lý Thị Như Y, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018 đang sống chung với chị Lanh E, tiếp tục giao cho chị Lanh E trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Lanh E không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lanh E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn anh Lý Si M đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Lý Si M vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lý Si M.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Lanh E và anh Lý Si M, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 63, ngày 11 tháng 4 năm 2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị Lanh E có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh M.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Lanh E, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn chị Lanh E và anh M chung sống với nhau có 01 con chung. Tuy nhiên, chị Lanh E và anh M phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2023, nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã với nhau, từ đầu năm 2023 vợ chồng không còn chung sống cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, theo anh M anh còn thương chị Lanh E, anh M không đồng ý ly hôn. Tòa án đã triệu tập chị Lanh E và anh M hòa giải động viên cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị Lanh E thì cương quyết xin ly hôn, còn anh M không đồng ý ly hôn và xin được hàn gắn, nếu như phải ly hôn anh M đồng ý giao con chung cho chị Lanh E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, lời trình bày của anh M cũng thể hiện anh M không còn tình cảm với chị Lanh E và không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị Lanh E và anh M cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lanh E.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Lanh E và anh M có 01 con chung tên Lý Thị Như Y, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018, con đang sống chung với chị Lanh E. Xét thấy, từ khi anh chị không còn sống chung với nhau anh M không trực tiếp chăm sóc con, mà con là do chị Lanh E trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, về mặt tình cảm thì cháu Y gần bó và yêu mến chị Lanh E nhiều hơn anh M, hơn nữa cháu Y là giới nữ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, điều kiện chăm sóc của chị Lanh E thuận lợi hơn anh M, nhằm ổn định cuộc sống cho cháu Y về mặt vật chất cũng như tinh thần. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Y. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu Lý Thị Như Y, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018 cho chị Lanh E nuôi dưỡng đến khi cháu Y đủ 18 (Mười tám) tuổi.

[6] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, anh M là người không trực tiếp nuôi con, nên anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lanh E có khả năng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lanh E là người có đơn xin ly hôn, chị Lanh E phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lanh E và anh Lý Sĩ M.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao con chung tên Lý Thị Như Y, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018 cho chị Lanh E trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Lanh E phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010705 ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Lanh E đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh